

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày : 07 - 3 -2023

V/v “*Tranh chấp yêu cầu cấp
dưỡng của con đối với cha*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vũ

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 509/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng của con đối với cha*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang K, sinh năm: 1939; Địa chỉ: 231/32 T, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: số 184/3 khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: 411/2D khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Trần Quang Đ1, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 411/2 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

+ Bà Trần Thị T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: 411/2B khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

+ Bà Trần Thanh T1, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 411/2C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quang K trình bày:

Ông Trần Quang K và vợ là bà Lê Thị Đ2 (chết năm 2009) kết hôn năm 1964, vợ chồng ông bà có 04 người con gồm: Trần Quang Đ, sinh năm: 1968, Trần Quang Đ1, sinh năm: 1973, Trần Thị T, sinh năm: 1976 và Trần Thanh T1, sinh năm: 1979.

Trong quá trình chung sống ông K và bà Đ2 tạo lập được tài sản chung gồm phần đất thổ cư có diện tích khoảng 1.158m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM324374 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 14/10/2008, đất tọa lạc tại tỉnh lộ 943 khóm T, phường M, thành phố L; trên đất có 01 căn nhà ngang 04m, dài 15m. Sau khi bà Đ2 chết, để tạo điều kiện cho các con có cuộc sống ổn định và thuận lợi trong việc kê khai nhận tiền bồi hoàn của Nhà nước nên ông K đã làm hợp đồng tặng cho 04 người con mỗi người một phần quyền sử dụng đất để cất nhà, hiện các con đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông K chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh cho đến năm 2017 tuổi cao, sức khỏe yếu thì trở về quê sống vui cùng con cháu nhưng do tâm lý tuổi già, tính tình không hoà hợp nên ông K đã thuê nhà trọ sống một mình cho đến nay.

Hiện nay, ông K tuổi đã cao (84 tuổi), không có khả năng lao động, thường xuyên đau ốm, phải uống thuốc và điều trị bệnh (u ác của đuôi tụy) nên ông K khởi kiện yêu cầu 04 người con gồm Trần Quang Đ, Trần Quang Đ1, Trần Thị T và Trần Thanh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng một lần mỗi người 100.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Quang Đ trình bày ý kiến:

Ông Đ là con trai lớn nhất của ông K, ông là lao động tự do, thu nhập không ổn định, mỗi tháng chỉ từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng, vợ làm công việc nội trợ và làm bánh bông lan bán ngoài chợ sinh sống qua ngày. Hiện nay, ông Đ là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, phải nuôi con ăn học (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hoà, thành phố Long Xuyên) nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu ông phải có trách nhiệm cấp dưỡng một lần 100.000.000 đồng thì ông không có khả năng. Ông Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng và sẽ có trách nhiệm chăm sóc khi ốm đau, lo ăn uống, cơm nước hàng ngày. Do công việc bận không có thời gian nên đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Trần Quang Đ1 trình bày ý kiến:

Ông Đ1 là con trai thứ hai của ông K và bà Đ2. Hiện nay ông không có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng từ khoảng 5.000.000 -7.000.000 đồng/tháng nhưng phải nuôi 02 con ăn học, hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện cũng còn khó khăn (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hoà, thành phố Long Xuyên) nên đối với

yêu cầu của ông K về việc yêu cầu ông có trách nhiệm cấp dưỡng một lần 100.000.000 đồng thì ông không có khả năng. Ông Đ1 chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng và có trách nhiệm chăm sóc khi ốm đau, lo ăn uống hàng ngày cho ông K. Do công việc bận không có thời gian nên đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị T, bà Trần Thanh T1 trình bày ý kiến:

Bà T và bà T1 đều thừa nhận vào năm 2009 sau khi bà Lê Thị Đ2 (mẹ ruột) chết thì ông Trần Quang K (cha ruột) có làm thủ tục tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản chung của cha mẹ tạo lập trong thời kỳ hôn nhân cho 04 người con là ông Đ1, ông Đ, bà T và bà T1.

Sau khi bà Đ2 chết thì ông K chuyển lên thành phố Hồ Chí Minh sống chung như vợ chồng cùng với người phụ nữ khác đến năm 2017 thì chuyển về thành phố Long Xuyên. Thời gian đầu ông K ở cùng với gia đình 04 người con, mỗi người chăm sóc một thời gian nhưng do tuổi già khó tính, tính khí thất thường nên ông K một mực đòi thuê nhà trọ sống một mình mặc dù các con đã khuyên can nhiều lần nhưng không được. Tuy ở nhà trọ nhưng 04 người con vẫn luôn thay phiên nhau quan tâm, chăm sóc cơm nước hàng ngày cho ông K đặc biệt là bà T1.

Đối với yêu cầu khởi của ông K buộc bà T, bà T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một lần mỗi người 100.000.000 đồng để trang trải cuộc sống về già và điều trị bệnh thì bà T, bà T1 không đồng ý vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, công việc không ổn định, phải lo cho các con ăn học nên chỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người cho đến khi ông K chết, đồng thời sẽ có trách nhiệm chăm sóc ăn uống, thuốc men khi ốm đau, bệnh tật.

Tại phiên tòa ngày 07 tháng 3 năm 2023:

Nguyên đơn ông Trần Quang K có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 10/02/2023 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Đ1 có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/02/2023, 11/01/2023 và bà Trần Thanh T1 giữ nguyên ý kiến về việc chỉ đồng ý mỗi người cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi ông K chết.

Bị đơn bà Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng cho ông Khải 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K, ghi nhận sự tự nguyện của các ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Đ1 và bà Trần Thanh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho ông K mỗi người 1.000.000 đồng; bà Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho ông Khải, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Trần Quang K khởi kiện yêu cầu 04 người con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cha. Ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1 cùng có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các khoản 5 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông K, bị đơn ông Đ, ông Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, ông Đ và ông Đ1.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu cấp dưỡng của con đối với cha thì thấy: Giữa nguyên đơn ông K với bị đơn ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1 có quan hệ huyết thống cha - con. Năm 2013, ông K đã tự nguyện làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho 04 người con nhằm tạo cuộc sống riêng ổn định đến nay. Sau đó, ông K đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2017 thì trở về quê sống tuổi già cùng con cháu nhưng do tính tình không hòa hợp nên mặc dù 04 người con đã khuyên can, động viên nhiều lần nhưng ông vẫn quyết định thuê nhà trọ sống một mình cho tự do, thoải mái. Đồng thời, ông K cũng thừa nhận trong suốt thời gian ở nhà trọ thì các con cũng có nhiều lần thay phiên nhau chăm sóc, quan tâm đến việc ăn uống, sinh hoạt của ông. Tuy nhiên, hiện ông K đang thuê nhà trọ sống một mình, tuổi đã cao (84 tuổi), sức khỏe ngày càng yếu đang bị u ác đuôi tụy, không có khả năng lao động, chi phí thuốc và điều trị bệnh ngày càng cao nên yêu cầu ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1 cùng có trách nhiệm cấp dưỡng một lần, mỗi người 100.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình thể hiện: “Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con;...nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác” và Điều 111 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “con đã thành niên không sống chung với cha, mẹ thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ trong trường hợp cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”. Theo đó, ông K hiện đang thuê nhà sống một mình, tuổi đã cao, không có khả năng lao động. Do đó

ông K yêu cầu ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1 cùng có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Mức lương cơ bản hiện nay được áp dụng tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 là 1.490.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào các quy định nêu trên quá trình thu thập chứng cứ, ông K không cung cấp được những tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản chi phí phục vụ nhu cầu thiết yếu như thuê nhà trọ, ăn uống, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập, khả năng thực tế của từng người con mặc dù Tòa án đã yêu cầu. Ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1 cho biết hiện không có công việc và thu nhập ổn định, phải nuôi các con ăn học (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên), kinh tế gia đình còn khó khăn nên chỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng. Việc ông K yêu cầu mỗi người con phải thực hiện việc cấp dưỡng một lần với số tiền 100.000.000 đồng/người, tổng cộng 400.000.000 đồng là cao so với khả năng kinh tế của ông Đ, ông Đ1, bà T và bà T1. Để đảm bảo cuộc sống của người yêu cầu cấp dưỡng và người phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình *“mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng”* và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình *“việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần”*. Do đó, yêu cầu về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng của ông K là không có căn cứ chấp nhận, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K.

Ông Đ, ông Đ1 và bà T1 tự nguyện cấp dưỡng cho ông K mỗi tháng 1.000.000 đồng/người/tháng, bà T tự nguyện cấp dưỡng cho ông K mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng, đây là sự tự nguyện của bị đơn nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 6 Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K đối với số tiền còn lại 395.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông Đ, ông Đ1, bà T1, bà T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng cho cha.

Ông K là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 5 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 70, Điều 71; Điều 107; Điều 111; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K.

Ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Đ1 và bà Trần Thanh T1 mỗi người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Trần Quang K hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/người/tháng.

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Trần Quang K mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*)/tháng.

Tổng cộng là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/tháng.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật, thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được áp dụng theo quy định tại khoản 3, 4, và 6 Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K đối với số tiền còn lại 395.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Đ1, bà Trần Thị T và bà Trần Thanh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Quang K thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung